

Số: 32 /2019/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 11 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn thành phố Pleiku, thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Giá năm 2012;

Căn cứ Luật Nhà ở năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 17/2008/QĐ-TTg ngày 28/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng giá chuẩn cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại;

Căn cứ Thông tư số 11/2008/TT-BXD ngày 05/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung của Quyết định số 17/2008/QĐ-TTg ngày 28/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng giá chuẩn cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại;

Căn cứ Thông tư 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 23/TTr-SXD ngày 05/9/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại (sau đây viết tắt là giá cho thuê nhà ở) trên địa bàn thành phố Pleiku, thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở năm 2014.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng được thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở năm 2014.

b) Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại.

Điều 2. Giá cho thuê nhà ở

1. Tại thành phố Pleiku

Thành phố Pleiku là đô thị loại II, hệ số cấp đô thị $K1 = - 0,05$, giá cho thuê nhà ở được tính như sau:

Đơn vị tính: Đồng/m²sử dụng/tháng

Cấp nhà	Tầng cao	Khu vực nội thị (các phường) K2 = 0,00			Khu vực ngoại thị (các xã) K2 = - 0,2		
		Điều kiện hạ tầng (K4)			Điều kiện hạ tầng (K4)		
		Tốt	Trung bình	Kém	Tốt	Trung bình	Kém
		K4 = 0,00	K4 = - 0,10	K4 = - 0,20	K4 = 0,00	K4 = - 0,10	K4 = - 0,20
Cấp II (19.122 đ)	Tầng 1, K3 = 0,15	21.034	19.122	17.210	17.210	15.298	13.385
	Tầng 2, K3 = 0,05	19.122	17.210	15.298	15.298	13.385	11.473
	Tầng 3, K3 = 0,00	18.166	16.254	14.342	14.342	12.429	10.517
Cấp III (18.515 đ)	Tầng 1, K3 = 0,15	20.367	18.515	16.664	16.664	14.812	12.961
	Tầng 2, K3 = 0,05	18.515	16.664	14.812	14.812	12.961	11.109
	Tầng 3, K3 = 0,00	17.589	15.738	13.886	13.886	12.035	10.183
Cấp IV (12.444 đ)	K3 = 0,15	13.688	12.444	11.200	11.200	9.955	8.711
Nhà không đáp ứng 50% cấp IV (6.223 đ)	K3 = 0,15	6.845	6.223	5.601	5.601	4.978	4.356

2. Tại thị xã An Khê và thị xã Ayun Pa

Thị xã An Khê và thị xã Ayun Pa là đô thị loại IV, hệ số cấp đô thị

K1 = - 0,15, giá cho thuê nhà ở được tính như sau:

Đơn vị tính: Đồng/m²sử dụng/tháng

Cấp nhà	Tầng cao	Khu vực nội thị (các phường) K2 = 0,00			Khu vực ngoại thị (các xã) K2 = - 0,2		
		Điều kiện hạ tầng (K4)			Điều kiện hạ tầng (K4)		
		Tốt	Trung bình	Kém	Tốt	Trung bình	Kém
		K4 = 0,00	K4 = - 0,10	K4 = - 0,20	K4 = 0,00	K4 = - 0,10	K4 = - 0,20
Cấp II (19.122 đ)	Tầng 1, K3 = 0,15	19.122	17.210	15.298	15.298	13.385	11.473
	Tầng 2, K3 = 0,05	17.210	15.298	13.385	13.385	11.473	9.561
	Tầng 3, K3 = 0,00	16.254	14.342	12.429	12.429	10.517	8.605
Cấp III (18.515 đ)	Tầng 1, K3 = 0,15	18.515	16.664	14.812	14.812	12.961	11.109
	Tầng 2, K3 = 0,05	16.664	14.812	12.961	12.961	11.109	9.258
	Tầng 3, K3 = 0,00	15.738	13.886	12.035	12.035	10.183	8.332
Cấp IV (12.444 đ)	K3 = 0,15	12.444	11.200	9.955	9.955	8.711	7.466
Nhà không đáp ứng 50% cấp IV (6.223, đ)	K3 = 0,15	6.223	5.601	4.978	4.978	4.356	3.734

3. Mức giá cho thuê nhà ở quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2019 và thay thế Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn thành phố Pleiku, thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

2. Tổ chức thực hiện

a) Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này và theo dõi, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá thuê nhà ở khi có quy định mới.

b) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND thành phố Pleiku, thị xã Ayun Pa, thị xã An Khê; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / VTM

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NC, CNXD, KTTH.

